

Bản án số: 127/2017/HSPT

Ngày: 08-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Thân Quốc Hùng.

2. Ông Dương Thế Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thu - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2017/HSPT ngày 25/9/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Văn S; tên gọi khác: Không có; sinh năm 1990 tại xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Giáp Thị K (sinh năm: 1959); chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2016 hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Trần Thanh B và bà Giáp Thị H là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang.

Bà Giáp Thị H có mặt, ông Trần Thanh B xin vắng mặt.

**** Những người tham gia tố tụng:*** Vụ án còn có 2 bị cáo khác, 09 người bị hại, 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 46/KSĐT ngày 13/7/2017 của VKSND huyện V và bản án hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 16/8/2017 của TAND huyện V, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2016, Nguyễn Cao C - sinh năm 1990, Nguyễn Mậu T - sinh năm 1989, Nguyễn Văn S - sinh năm 1990 đều trú quán: Thôn B, xã N, huyện L đến huyện V thuê trọ và tìm việc làm, C, T thuê trọ tại thôn 7, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, S thuê trọ tại thôn M 2, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 07 giờ ngày 18/11/2016, C, S và T cùng nhau đi ăn sáng tại quán ăn ở rìa đường thôn M, xã H. Trong lúc ăn sáng, cả ba rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Do không có xe mô tô để đi trộm cắp, S bảo T mượn xe để đi trộm cắp, T đồng ý. T điện thoại gọi Trần Văn K - sinh năm 1995 ở thôn L, xã N, huyện L (là bạn của T, làm công nhân khu công nghiệp Đ) ra quán ăn sáng cùng rồi bảo K cho C và S mượn xe, K đồng ý cho mượn xe Angel biển kiểm soát 98M2- 91**. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn sáng xong, S điều khiển xe mô tô mượn của K chở T và K về phòng trọ của K và bảo T là C và S đi trộm cắp xe mô tô khi nào lấy trộm được xe thì gọi điện cho T đến đi xe của K về. Sau đó S điều khiển xe mô tô của K quay lại quán đón C, cả hai điều khiển xe mô tô đến dãy nhà trọ của bà Ngô Thị Thu H - sinh năm 1981, ở thôn M 1, xã H, huyện V thấy cổng không khóa, có hai chiếc xe mô tô Airblade, biển kiểm soát 98B2-330.** của anh Nguyễn Duy M - sinh năm 1995, trú quán: Số nhà 396, Đường N, Phường N, thành phố B (mượn của mẹ đẻ là bà Phan Thị H - sinh năm 1972) và xe Honda Wave, biển kiểm soát 98D1-463.** của anh Hứa Văn N- sinh năm 1996, ở thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (mượn của vợ là Vi Thị P - sinh năm 1995) dựng ở góc sân nhưng không khóa cằng và không có người trông coi. S gọi điện cho T đến đi xe của K về trả K, còn S đứng canh giới. Sau khi T đi về, C dùng chiếc vạm phá khóa hình chữ “T” (mang theo trước đó) phá khóa hai chiếc xe mô tô, sau đó C và S cùng nhau dắt hai xe mô tô ra khỏi cổng rồi C điều khiển xe của anh N về huyện L tìm chỗ bán xe, trên đường đi C dùng xe tháo biển số vứt đi rồi điều khiển xe đến nhà Dương Văn H - sinh năm 1978, ở thôn N, xã N, huyện L nói dối là xe của mình và bán cho anh H với giá 4.000.000 đồng, còn S điều khiển xe mô tô trộm cắp của anh M đến cầu vượt ở Quốc lộ 18, thành phố B thì đỗ lại gọi T đến cùng mang xe đi bán. Sau đó, S và T điều khiển xe trộm cắp vào quán sửa xe ven đường thay ổ khóa xe, mở cốp kiểm tra thấy bên trong có: 01 chứng minh nhân dân (CMND) của chị Dương Thu T - sinh năm 1998, ở tổ 6, cụm 4, Phường T, thành phố B (người yêu anh M), 01 giấy phép lái xe của M và đăng ký xe của chị H, S lấy đăng ký xe đưa cho T còn lại CMND và giấy phép lái xe vứt đi rồi điều khiển đến quán cầm đồ của anh Nguyễn Nhân T, sinh năm 1970 ở thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh để cầm xe. Cả hai nói dối là xe mô tô của chị gái T cho

mang đi cầm sau đó T đứng ra cầm chiếc xe mô tô trên cho anh T với giá 25.000.000 đồng và để lại CMND của mình cùng đăng ký xe của chị H làm tin. Sau khi cầm xe xong, T và S đi xe bus về khu công nghiệp Q gặp C. Tại đây, T chia cho S và C mỗi người 9.000.000 đồng, còn T giữ lại 7.000.000 đồng; số tiền bán xe trộm cấp cho H, C giữ lại không chia cho ai. Toàn bộ số tiền trên cả ba đã ăn tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe Honda Wave, biển kiểm soát: 98D1-463.** của C, khoảng 01 tuần sau, anh H đã bán lại cho ông Mạc Văn T - sinh năm 1966 ở cùng thôn với giá 7.500.000 đồng.

Ngày 18/11/2016, anh N và anh M đã làm đơn trình báo việc bị mất trộm xe mô tô đến Công an huyện V.

Ngày 20/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V đã thu giữ được hai chiếc xe mô tô trộm cấp trên cùng CMND của T, đăng ký xe mô tô của chị H, giấy cầm đồ tại nhà ông Mạc Văn T và anh Nguyễn Nhân T.

Cùng ngày 20/12/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã định giá và kết luận, chiếc xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát: 98D1- 463.**, trị giá: 14.400.000 đồng, xe mô tô Airblade, biển kiểm soát 98B2-330.**, trị giá: 41.400.000 đồng.

Cùng ngày 20/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V đã tiến hành bắt tạm giam đối với C và S, đồng thời thu giữ của C: 01 CMND mang tên C, 01 điện thoại di động Microsoft. Thu của S: 01 CMND mang tên S.

Ngày 21/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với T và thu giữ của T: 01 điện thoại di động Nokia, 01 vạm phá khóa hình chữ T.

Trách nhiệm dân sự:

Ngày 29/12/2016 và 18/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V đã trả lại hai chiếc xe mô tô trên, cùng đăng ký xe mô tô cho các chủ sở hữu là chị H và chị P nay các chị cùng anh M, anh N, chị T không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Anh Nguyễn Nhân T yêu cầu các bị cáo bồi thường cho anh số tiền 25.000.000 đồng đã bỏ ra cầm xe.

Ông T không yêu cầu H và bị cáo phải trả lại ông số tiền bỏ ra mua xe và không yêu cầu bồi thường gì.

Quá trình điều tra, ba bị cáo còn khai nhận, ngoài hành vi phạm tội trên còn cùng nhau và cùng với: Nguyễn Đình Đ - sinh năm 1994, ở cùng thôn và Từ Văn T - sinh năm 1994, ở thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản khác ở huyện V; huyện T, thị xã T, thành phố B của tỉnh Bắc Ninh cụ thể:

*** Về tội trộm cắp tài sản:**

Tại huyện V: (07 vụ)

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 05/10/2016, S đang ở ngồi chơi tại phòng trọ của người yêu tại nhà ông Hoàng Công Đ - sinh năm 1970, ở thôn N, xã Q, huyện V (S khai chỉ biết tên là N, quê ở tỉnh T, đang làm việc ở khu Công nghiệp Q, còn họ tên đầy đủ và địa chỉ không biết) thì C gọi điện bảo đi lên ngã tư Đ đón C đi trộm cắp, S đồng ý, rồi mượn xe mô tô Sirius (chỉ nhớ biển kiểm soát: 22 của N) lên đón C tại ngã tư Đ. Tới nơi, S đèo C quay về phòng trọ của N. Trên đường về cả hai bàn nhau khi về đến khu trọ thì S vào trước còn C chờ ở ngoài, nếu thấy xe máy nào sơ hở thì S gọi điện cho C vào lấy trộm. Về đến khu trọ, S đi xe vào cất tại gầm cầu thang khu nhà trọ, thấy chiếc xe mô tô Wave biển kiểm soát 98D1-471.** của anh Nông Hải H - sinh năm 1992 ở B, xã T, huyện Y dựng ở gầm cầu thang không khóa càng, không có người trông coi, S gọi điện cho C vào lấy rồi S đi vào phòng đóng cửa đi ngủ. C đi bộ vào gầm cầu thang, dùng chiếc văm hình chữ “T” (mang theo trước đó) phá khóa xe rồi dắt ra khỏi cổng điều khiển xe bỏ đi và gọi điện thông báo cho S đã lấy trộm được xe. Sau đó, C điều khiển xe về huyện L để bán, trên đường đi đã tháo biển kiểm soát vứt đi, rồi đi đến nhà Dương Văn H nói dối là xe của bạn bảo bán hộ rồi bán xe trộm cắp cho anh H được 5.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, khoảng 18 giờ cùng ngày, C bắt xe bus về ngã tư Đ gặp S và chia cho S 2.000.000 đồng, còn lại C giữ, số tiền này C và S đã ăn tiêu cá nhân hết.

Đối với chiếc xe H mua của C, khoảng 01 tuần sau, H bán lại cho chị Thân Thị T, sinh năm 1987 ở cùng thôn được 7.500.000 đồng.

Ngày 20/12/2016, Cơ quan CSĐT- CA huyện V đã thu của chị T chiếc xe mô tô trên.

Cùng ngày 20/12/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã định giá và kết luận, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1- 471.** trị giá 19.800.000 đồng.

Về dân sự:

Ngày 02/6/2017, anh H được CQCSĐT- CA huyện V trả lại chiếc xe mô tô trên, nay anh không yêu cầu bồi thường gì.

Chị T không yêu cầu anh H và bị cáo phải trả lại số tiền bỏ ra mua xe và phải bồi thường gì.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 18/10/2016, C đang ở phòng trọ của người yêu (chỉ biết tên M quê ở tỉnh S còn họ tên địa chỉ không biết) đang thuê trọ ở thôn M 1, xã H, huyện V thì S gọi điện rủ đi trộm cắp xe máy. Khoảng 20 phút sau, S đi xe máy Sirius màu trắng mượn của người yêu chỉ biết tên N và nhớ biển kiểm soát có số 22 còn lại không nhớ đến đón và chở C đến dãy nhà trọ của ông Lương Văn Q - sinh năm 1973, ở thôn T, xã Q, huyện V, thấy cổng không khóa, chiếc xe Wave màu trắng, biển kiểm soát 98K1-139.** của anh Trần Bá Đ, sinh 1994 ở thôn H, xã

T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để ở hiên, không có ai trông coi, nên C đứng cạnh giới còn S đi vào tới chiếc xe thấy xe không khóa cổ, không khóa càng, S dắt xe ra ngoài cổng rồi C dùng chiếc văm phá khóa hình chữ “T” mang theo trước đó, phá khóa điện. Sau đó C điều khiển xe trộm cắp về huyện L đến nhà H nói dối xe của bạn nhờ bán và bán xe cho H được 4.000.000 đồng, còn S điều khiển xe Sirius về trả người yêu. Sau khi bán xe xong, C bắt xe bus về xã H gặp và chia cho S 2.000.000 đồng còn lại C giữ. Toàn bộ số tiền này cả hai đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/12/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã định giá và kết luận, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 139.** của anh Trần Bá Đ trị giá 14.400.000 đồng.

H không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của C, Cơ quan điều tra đã cho H và C đối chất với nhau nhưng H không thừa nhận, nên không có chứng cứ chứng minh H mua chiếc xe trên của C và Cơ quan điều tra - CA huyện V không thu hồi được xe để trả bị hại.

Về dân sự:

Anh Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 14.400.000đ là trị giá của chiếc xe bị lấy trộm.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 09/11/2016, trong lúc C, S và Th ngồi uống nước với nhau tại đầu thôn M 1, xã H, thì cả ba rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô. Sau đó Th đi xe mô tô Exciter, biển kiểm soát 98F1-008.** chở C và S đi lên khu tập thể Trường Đại học N thuộc địa phận xã B - huyện V, thấy cổng nhà trọ của ông Nguyễn Công L - sinh năm 1972 ở thôn V, xã B, huyện V, có xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát: 98B1-846.** của chị Nguyễn Thị Kim N - sinh năm: 1994 ở thôn N, xã S, thành phố B (là sinh viên trường Đại học N) dựng ở hiên nhà trọ. Th điều khiển xe đi chậm, S nhảy xuống xe, còn Th và C tiếp tục đi xe về cuối ngõ để cảnh giới. S đi vào quan sát không thấy ai trông giữ nên dắt chiếc xe của chị N ra ngoài cổng. Sau đó Th đèo C quay lại, C xuống xe dùng văm phá khóa hình chữ “T” mang theo trước đó phá khóa điện rồi điều khiển xe bỏ đi, Th cũng điều khiển xe chở S đi theo. Sau đó, C một mình điều khiển xe trộm cắp đến nhà H bán cho H được 4.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, C đi xe bus về V rồi chia cho Th và S mỗi người 01 triệu đồng, C giữ lại 01 triệu, còn 01 triệu đồng cả ba cùng ăn tiêu chung hết. Sau khi mua chiếc xe mô tô trên, khoảng ba ngày sau H đã bán lại cho anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1985 ở cùng thôn với giá: 7.000.000 đồng.

Ngày 20/12/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V định giá và kết luận chiếc xe máy biển kiểm soát 98B1- 846.** của chị Nguyễn Thị Kim N trị giá 12.600.000đồng.

Về dân sự:

Chị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 12.600.000 đồng là trị giá chiếc xe bị lấy trộm.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ một ngày đầu tháng 10 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) T và C đi xe bus từ khu công nghiệp Đ đến phòng trọ của người yêu S (chỉ biết tên N, còn họ tên địa chỉ không biết) ở khu nhà trọ “V” của gia đình ông Hoàng Công Đ - sinh năm 1971, ở thôn N, xã Q, huyện V chơi và ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, T và C đi xuống cầu thang thấy có một chiếc xe Wave màu trắng, không nhớ biển kiểm soát dựng ở gầm cầu thang. C dùng chiếc van chữ “T” mang theo trước đó phá khóa điện xe mô tô. Sau khi phá được khóa xe, T dắt ra khỏi gầm cầu thang rồi nổ máy đèo C về ngã tư Đ để C ngồi tại quán nước còn một mình T đi lên thị trấn C - L bán cho anh Giáp Văn Q - sinh năm 1984 ở cùng thôn được 3.500.000 đồng. Sau khi bán xe xong, T đi về V gặp C, S và Th rồi tất cả đi ăn. Sau khi ăn xong, C chia cho T mấy trăm nghìn (cụ thể C và T không nhớ).

Anh Q không thừa nhận mua của T chiếc xe mô tô như trên, Cơ quan điều tra đã cho anh Q và T đối chất nhưng anh Q không thừa nhận. Ông Đ cũng xác định nhà trọ không có ai bị mất xe như nêu trên, Cơ quan điều tra-CA huyện V đã xác minh và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không xác định được bị hại là ai nên không có căn cứ xử lý.

Vụ thứ năm: T khai khoảng 12 giờ một ngày đầu tháng 11/2016 (không nhớ rõ ngày) C và T rủ nhau đến thôn M 3, xã H trộm cắp xe máy. Sau đó, C đi xe mô tô (T không nhớ biển kiểm soát và loại xe) đèo T vào khu nhà trọ gần cánh đồng thôn M 3, xã H rồi C bảo T đứng ở đầu ngõ còn C đi xe vào cuối ngõ. Một lúc sau T thấy C đi chiếc xe Wave Alpha màu trắng (không biết biển kiểm soát từ cuối ngõ ra, không biết lấy chiếc xe này ở đâu). Sau đó C chở T về phòng trọ rồi một mình mang đi bán (không biết C bán ở đâu và được bao nhiêu tiền), đến tối C cho T 200.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, T đã ăn tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, C không thừa nhận cùng T đi trộm cắp xe mô tô trên, Cơ quan điều tra cho cả hai đối chất với nhau nhưng C vẫn không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không xác định được người bị hại nên không có căn cứ xử lý.

Vụ thứ sáu: T khai khoảng 02 ngày sau khi trộm cắp vụ thứ năm, vào khoảng 12 giờ một ngày đầu tháng 11/2016, C rủ T đi trộm cắp xe và giao cho T là người canh giới. Sau đó C và T đi đến thôn M 3, xã H thấy một chiếc xe mô tô (không nhớ xe gì và không biết biển kiểm soát) để ở rìa đường không có người trông coi. T đứng canh giới, C dùng vạm phá khóa chiếc xe mô tô rồi điều khiển xe chở T về phòng trọ, còn C mang xe trộm cắp đem bán (không biết bán ở đâu), đến tối cùng ngày C về phòng trọ đưa T đi ăn và cho 100.000 đồng. Toàn bộ số tiền này T đã ăn tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, C không thừa nhận cùng T đi trộm cắp xe mô tô trên, cơ quan điều tra cho cả hai đối chất với nhau nhưng C vẫn không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không xác định được người bị hại nên không có căn cứ xử lý.

Vụ thứ bảy: Khoảng 12 giờ một ngày đầu tháng 10/2016 (cụ thể ngày nào không nhớ), S và C rủ nhau đi vào thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang tìm phòng trọ cho C. Sau đó, S đi xe máy Sirius màu trắng, chỉ nhớ biển số 22 mượn của người yêu chỉ biết tên N quê ở tỉnh T chở C đến thôn M 3, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang thấy một xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng ở xóm trọ (không nhớ địa điểm, biển kiểm soát) không có người trông coi, S ở bên ngoài cảnh giới, C đi vào khu vực nhà trọ dùng vạm phá khóa mang theo trước đó phá khóa xe rồi điều khiển xe về huyện L bán cho H được 5.000.000 đồng, sau đó C giữ lại 3.000.000 đồng, chia cho S 2.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, H không thừa nhận mua xe mô tô trên, Cơ quan điều tra cho cả hai đối chất với nhau nhưng H vẫn không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không xác định được người bị hại nên không có căn cứ xử lý.

Tại huyện T - tỉnh Bắc Ninh (01 vụ):

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 12/10/2016, C và S đang ngồi chơi tại phòng trọ của S ở thôn M 2, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì cả hai rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô. C mang theo một chiếc vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ “T”, điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98F1- 008.** mượn của Th đi theo đường Quốc lộ 1A đến huyện T, tỉnh Bắc Ninh trộm cắp xe mô tô của công nhân trong các khu nhà trọ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, đi đến khu trọ của anh Lê Thế D, sinh năm 1969 ở thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thấy cổng mở, có xe Honda Wave màu sơn đen - bạc, biển kiểm soát 12L1-088.** của anh Bé Văn S - sinh năm 1997 ở Bản S, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (là công nhân thuê trọ) để ở sân, xung quanh không có người. C dùng xe lại S đứng ngoài cảnh giới, còn C đi tới chiếc xe của anh S, thấy xe không khóa cổ, không khóa càng, C dùng vạm phá khóa xe rồi dắt xe ra ngoài cổng, đề xe nổ máy cùng S điều khiển xe trộm cắp về V. Trên đường về, C và S dùng xe tháo biển số xe vứt đi. Sau đó, S điều khiển xe của Th về phòng trọ của mình còn C một mình điều khiển xe trộm cắp về huyện L bán cho H được 4.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, C bắt xe bus về phòng trọ gặp S và chia cho S 2.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này cả hai đã ăn tiêu cá nhân hết.

Sau khi mua chiếc xe mô tô trên, H đã bán lại cho ông Đào Công H, sinh năm 1950 ở thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 6.000.000 đồng.

Ngày 20/12/2016, Cơ quan CSĐT-CA huyện V đã thu giữ của ông H chiếc xe mô tô trên.

Ngày 29/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T đã định giá và kết luận chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12L1- 088.** trị giá 11.900.000 đồng.

Về dân sự:

Ngày 15/6/2017, Cơ quan CSĐT- CA huyện V đã trả lại anh S chiếc xe mô tô trên nay anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Ông H đã được H trả lại 6.000.000 đồng nay ông không yêu cầu và đề nghị gì.

Anh H không yêu cầu bị cáo trả lại anh số tiền bỏ ra mua xe mô tô.

Tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh: 07 vụ

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ một ngày cuối tháng 10/2016 (cụ thể ngày nào C và T không nhớ), T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 98F1-387.** (mượn của mẹ đẻ là Thân Thị H) chở C đi từ huyện V đến khu nhà trọ ở thành phố B (cả hai không nhớ địa điểm) thấy không có cổng, trong sân dựng một chiếc xe máy Yamaha Sirius màu đỏ (không nhớ biển kiểm soát), T đứng ngoài cánh giới còn C vào trong dùng vạm phá khóa mở khóa điện xe mô tô rồi một mình điều khiển xe mô tô trộm cắp về huyện L, tỉnh Bắc Giang, tháo biển kiểm soát vứt đi rồi đem bán cho S được 3.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền này cả hai cùng ăn tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Trưa một ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) S điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ (mua của C và T) đến khu nhà nhà trọ ở thành phố B, cách khu công nghiệp Q khoảng 1 km (không nhớ địa điểm), thấy trong sân nhà trọ dựng chiếc xe Airblade màu đen (không nhớ biển kiểm soát và không biết chủ sở hữu là ai), không có ai trông coi. S đứng ngoài cánh giới, C vào dùng vạm phá khóa mang theo trước đó, mở khóa điện cùng S điều khiển xe trộm cắp về V, trên đường đi C gọi điện cho Nguyễn Văn A, sinh năm 1978 ở cùng thôn, hỏi chỗ bán xe. Sau đó A dẫn C lên huyện L bán cho một người đàn ông không quen biết được 9.000.000 đồng. C giữ lại 4.000.000 đồng, cho A 1.000.000 đồng, S 4.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này các bị cáo ăn tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Trưa một ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) S điều khiển xe mô tô Wave màu trắng (không nhớ biển kiểm soát) của bạn là Nguyễn Đức K - sinh năm 1990 ở cùng thôn đèo C đi từ huyện V đến khu nhà nhà trọ ở thành phố B (không nhớ địa điểm) thấy có một nhà trọ, trong sân nhà trọ dựng chiếc xe Sirius màu trắng (không nhớ biển kiểm soát và không biết chủ sở hữu), không có ai trông coi. C dùng vạm phá khóa mở khóa điện xe mô tô rồi điều khiển về huyện V, tỉnh Bắc Giang, cùng A lên huyện L bán cho người không quen biết được 5.000.000 đồng. Bán xe xong C cho A 500.000đồng, còn lại C và S chia đôi và tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra, đã xác minh nhưng K không có mặt ở địa phương, không biết đi đâu nên không xác minh được.

Vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ một ngày đầu tháng 12/2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) Th điều khiển xe mô tô Exciter của mình chở T từ huyện V đến khu vực L, phường V, thành phố B chơi bi-a. Sau đó, Th bỏ đi và điện cho T đi xe mô tô của Th về. Khoảng 16 giờ cùng ngày T về phòng trọ của Th mới thuê tại thôn M, xã H (T không nhớ địa điểm), thì được Th nói cho biết lấy trộm được xe mô tô rồi đem đi bán (không biết xe gì, bán ở đâu) rồi cho T 2.500.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 09 giờ một ngày đầu tháng 12 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) Th đi xe mô tô Exciter của Th chở T đi từ huyện V xuống khu công nghiệp T ở thành phố B, tỉnh Bắc Ninh chơi, sau đó đi vào khu vực nhà trọ ở thành phố B (không nhớ địa điểm) thấy một nhà trọ không đóng cửa, có một chiếc xe máy Wave màu trắng (không nhớ biển kiểm soát và chủ xe) dựng ở sân. Th xuống xe dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô trên sau đó cùng nhau điều khiển xe về bán cho anh H được 5.000.000 đồng, số tiền này cả hai chia đôi và ăn tiêu cá nhân hết.

Anh H không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của T, Cơ quan điều tra đã cho T và anh H đối chất với nhau nhưng anh H không thừa nhận.

Vụ thứ sáu: Buổi sáng một ngày đầu tháng 12/2016 (không nhớ giờ và ngày) T đi xe mô tô Exciter của T chở Th đi từ huyện V xuống khu vực L, phường V, thành phố B trộm cắp xe máy. Khi đến nơi thì Th bảo T đi chậm lại rồi Th xuống xe đi bộ, còn T đi ra quán nước cạnh Khu Công nghiệp Q ngồi uống nước, khoảng 30 phút sau Th đi một chiếc xe Wave Alpha màu đen (biển số không nhớ, không biết lấy ở đâu) đến chỗ T và bảo T đi về Đ, V, còn Th mang xe đi bán. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày Th về đưa cho T 1.500.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 10 giờ ngày 19/12/2016, T cùng Th điều khiển xe mô tô Excenter của Th xuống khu vực L, phường V, thành phố B chơi trộm cắp xe máy. Tới nơi Th xuống xe đi bộ, còn T tiếp tục điều khiển xe đi trước, đi được một đoạn T điều khiển xe quay lại thấy Th đang đi chiếc xe mô tô Wave màu đen, biển số đầu 12 (các số sau không nhớ và không biết Th lấy ở đâu), sau đó cả hai đi xe về huyện V, sau đó T đem xe trộm cắp được bán cho H được 2.000.000 đồng, rồi đưa tiền cho Th và được Th cho 700.000 đồng. Toàn bộ số tiền này ăn tiêu hết.

Anh H không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của T, Cơ quan điều tra đã cho T và anh H đối chất với nhau nhưng anh H không thừa nhận.

Tại thị xã T - tỉnh Bắc Ninh: 04 vụ.

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ một ngày cuối tháng 10 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) C và S đi xe mô tô biển kiểm soát 98F1- 008.** (mượn của Th) đến thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (cụ thể chỗ nào cả hai không biết) thấy trong một nhà trọ có một chiếc xe Wave RSX màu đỏ (không nhớ biển kiểm soát và không biết

chủ xe), dựng ở sân không có người trông coi. S đứng ngoài đợi còn C đi vào dùng vạm phá khóa mở khóa điện điều khiển xe về huyện V, mở cốp xe thấy có đăng ký xe nhưng không nhớ là của ai nên C đưa xe cho S đi bán, S mang xe đi thay ổ khóa (không nhớ chỗ thay) sau đó cùng T mang đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Nguyễn Như B - sinh năm 1976 ở Khu 2, thị trấn B, huyện V, nói dối là xe của S rồi bán cho anh B được 9.000.000 đồng. Số tiền này S cho T 01 triệu đồng, còn lại S và C mỗi người chia nhau được 04 triệu đồng. Toàn bộ số tiền này các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi mua xe, khoảng 03 ngày sau anh B đã bán lại xe cùng giấy đăng ký xe cho người không quen biết được 9.000.000 đồng, đồng thời anh B không nhớ được chủ xe và biển kiểm soát xe trong giấy đăng ký xe.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 đến 10 giờ một ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) S đi xe mô tô Sirius (mua của C và T) chở C xuống thị xã T, tỉnh Bắc Ninh trộm cắp xe máy (cả hai không nhớ địa điểm) thấy có một nhà trọ để một chiếc xe Wave α màu đen (không nhớ biển kiểm soát và không biết chủ xe) ngoài sân, không có người trông coi. S đứng cạnh giới, C đi vào sân, dùng vạm phá khóa mở khóa điện rồi cùng S điều khiển về huyện V, sau đó C một mình đem xe trộm cắp bán cho H được 4.500.000 đồng. Số tiền này C và S đã chia đôi và ăn tiêu cá nhân hết.

Anh H không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của C, Cơ quan điều tra đã cho T và anh H đối chất với nhau nhưng anh H không thừa nhận

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ một ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) C và S đi xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát: 98F1-387.** (mượn của T) từ huyện V đến khu vực thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (cụ thể chỗ nào cả hai không nhớ) trộm cắp xe mô tô, thấy ở sân một nhà trọ để một chiếc xe Wave α , (không nhớ biển kiểm soát và không biết chủ xe). S đứng ngoài còn C đi vào dùng vạm phá khóa mở khóa điện sau đó cùng S điều khiển về huyện V rồi C một mình điều khiển xe mô tô đến bán cho H được 4.000.000 đồng. Số tiền này C và S đã chia đôi và ăn tiêu cá nhân hết.

Anh H không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của C, Cơ quan điều tra đã cho C và anh H đối chất với nhau nhưng anh H không thừa nhận

Vụ thứ tư: Khoảng 09 đến 10 giờ một ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11 năm 2016 (cụ thể ngày nào không nhớ) C, S và Th cùng đi xe máy Exciter biển kiểm soát 98F1- 008.** của Th đến khu nhà trọ ở thị xã T, tỉnh Bắc Ninh trộm cắp xe máy (không nhớ địa điểm) thấy có ở sân có chiếc xe Wave màu đen (không nhớ biển kiểm soát và không biết chủ xe), không có người trông coi. S và Th ở ngoài cạnh giới, C vào sân dùng vạm phá khóa mở khóa xe, điều khiển xe về ĐT, V rồi đưa xe cho T mang đi bán, sau đó T mang xe trộm cắp đến nhà anh Giáp Văn Q -

sinh năm 1984 ở cùng thôn vay 1.500.000 đồng để lại xe làm tin. Số tiền này T cùng C, S, Th ăn tiêu chung hết.

Sau khi cho T vay tiền, đến cuối tháng 11 năm 2016, không thấy T đến trả tiền và lấy xe nên anh Q đã bán cho người không quen biết được 2.000.000 đồng.

*** Về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:**

Khoảng 19 giờ ngày 03/11/2016, C bảo anh Lê Văn P - sinh năm 1991 ở thôn B, xã N, huyện L, Bắc Giang (ở cùng xóm trọ với C ở thôn 7, xã T, huyện V) cho mượn xe mô tô để đi chơi sau đem về trả, anh P đồng ý nên giao xe Wave Alpha, biển kiểm soát 98F1-078.** và chìa khóa cho C mượn. Sau đó C đi xe đến quán điện tử Win 99 ở thôn D, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (quán của anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1989, HKTT: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc) chơi điện tử bằng hình thức đánh xèng ăn tiền. Khi chơi hết tiền, C thế chấp chiếc xe của anh P cho anh T lấy 04 triệu đồng, nhưng số tiền này C đề nghị quy đổi thành điểm chơi xèng tiếp. C chơi đến khoảng 07 giờ ngày 04/11/2016 thì hết số tiền cầm xe nên C đi xe bus về phòng trọ gặp P và T. Lúc này P hỏi C xe đâu, C nói dối “xe bị Công an thành phố B giữ, mấy hôm lấy về trả”, anh P tin là thật nên không đòi xe nữa. Khoảng một tuần sau (cụ thể ngày nào C không nhớ), C đi xe bus xuống quán điện tử của anh T tiếp tục chơi xèng ăn tiền, chơi hết tiền C tiếp tục thế chấp xe của anh P cho anh T lấy thêm 8 triệu đồng (số tiền này chuyển thành điểm để chơi trên máy xèng). Đến sáng ngày hôm sau, khi chơi hết tiền, C gọi điện cho T bảo lấy đăng ký xe mô tô của anh P mang xuống cho C nên T sang phòng trọ của P lấy đăng ký xe mô tô mang xuống quán điện tử đưa cho C. C cầm đăng ký xe của anh P đưa cho anh T rồi bỏ đi.

Thấy C không đem xe trả như đã hẹn và không về phòng trọ, anh P đã điện cho C để đòi xe nhiều lần nhưng không được nên ngày 16/11/2016, anh P đã làm đơn trình báo hành vi chiếm đoạt tài sản của C đến Công an huyện V.

Ngày 08/12/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện V đã định giá và kết luận chiếc xe mô tô của anh P trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2016, anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe của anh P cho Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an (CA) huyện V.

Về dân sự:

Ngày 15/3/2017, Cơ quan CSĐT - Công an huyện V đã trả lại anh P chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe nêu trên, nay anh không yêu cầu và đề nghị gì

Anh T không yêu cầu bị cáo C phải trả lại anh số tiền 12.000.000 đồng thế chấp xe lấy điểm xèng để chơi điện tử ăn tiền.

*** Về tội Cướp giật tài sản: (02 vụ)**

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 26/10/2016, C, S, Nguyễn Đình Đ - sinh năm 1994, HKTT: Thôn B, xã N, huyện L đến phòng trọ của T tại thôn 7, xã T, huyện V chơi. Trong lúc S và T đi ra ngoài, Đ rủ C đi “kiếm ăn” (ý muốn nói là đi trộm cắp hoặc cướp tài sản), C đồng ý. Sau đó Đ mượn của S chiếc xe máy Sirius không có biển kiểm soát (xe C và T trộm cắp ở Bắc Ninh sau bán cho S) rồi Đ điều khiển xe chở C ngồi sau đến trường Đại học N, đi qua cổng trường khoảng 100 mét, Đ rẽ trái vào ngách 5/857 khu tập thể trường đại học thấy anh Trần Xuân B - sinh năm 1997 ở thôn S, xã B, huyện Y (là sinh viên trường Đại học N) đi bộ ngược chiều với Đ và C, trên tay đang cầm chiếc máy tính xách tay (laptop). Đ tiếp tục điều khiển đi qua anh B khoảng 05 mét thì Đ điều khiển xe vòng lại đuổi theo anh B để cướp giật tài sản. Tới nơi Đ điều khiển xe áp sát vào bên trái anh B đồng thời C ngồi sau dùng tay phải giật chiếc laptop trên tay anh B rồi Đ tăng ga bỏ chạy về thị trấn C, huyện L. Sau đó cả hai mang máy tính cướp giật được đến bán cho anh Giáp Văn Q - sinh năm 1984, trú quán: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang được 3.500.000 đồng rồi C lấy 1.500.000 đồng, Đ lấy 2.000.000 đồng. Số tiền này C ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 24/5/2017, Cơ quan CSĐT- CA huyện V đã thu giữ được của anh Q chiếc máy tính trên.

Ngày 08/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V, định giá và kết luận chiếc laptop mua anh B trị giá 2.800.000đ.

Về dân sự:

Ngày 14/6/2017, Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đã trả lại anh Trần Xuân B chiếc máy tính trên, nay anh không yêu cầu bồi thường gì. Anh Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền bỏ ra mua máy tính.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 10/11/2016, S đi bộ từ thôn T vào thôn N, xã Q, huyện V chơi, đi đến đầu cổng chui thôn N thì gặp chị Hứa Thị H - sinh năm 1986, HKTT: Thôn S 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là công nhân khu công nghiệp Q) đang dắt bộ chiếc xe mô tô Honda Vision, biển kiểm soát 98B1-756.**, S đi đến hỏi chị H xe chị bị làm sao, chị H trả lời xe không nổ máy nên S bảo chị H để S đạp xe hộ, chị H đồng ý. Sau đó S dựng chân chống xe của chị H rồi dùng chân đạp cần khởi động khoảng hai cái thì xe nổ máy, lúc này chị H đứng sau xe, tay giữ vào ghi đông xe. Khi xe nổ thì S vít ga, thấy vậy chị H đứng phía sau giữ chặt đuôi xe. Thấy xung quanh không có người, S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của chị H nên ngồi lên yên xe rồi tăng ga bỏ chạy về phía trước, chị H đuổi theo hô “cướp, cướp” nhưng không đuổi được S. Sau đó S đi xe mô tô vừa cướp giật được của chị H về phòng trọ của C bảo C là xe của S, đang cần tiền và nhờ C tìm chỗ bán, nhưng C bảo S cứ đi về rồi đem bán sau. Khoảng hai ngày sau C và S đi chiếc xe mô tô cướp giật được của chị H lên huyện L (cụ thể chỗ nào không nhớ) bán cho một đôi nam, nữ (không quen biết) được 5.500.000 đồng. Sau khi bán xe xong, S

cho C 2.000.000 đồng còn giữ lại 3.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền này cả hai đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/12/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V định giá và kết luận chiếc xe máy của chị Hứa Thị H trị giá 19.600.000 đồng

Về dân sự:

Chị H yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho chị số tiền 19.600.000 đồng là trị giá của chiếc xe bị cướp giật.

Tại bản cáo trạng số 46/KSĐT ngày 13/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã truy tố Nguyễn Cao C về các tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, điểm d, khoản , Điều 136, “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c, điểm e, khoản 2, Điều 138 và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm đ, khoản 2, Điều 140- BLHS; Nguyễn Mậu T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e, khoản 2, Điều 138- BLHS; Nguyễn Văn S về tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1, Điều 136 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e, khoản 2, Điều 138-BLHS.

Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 16/8/2017 của TAND huyện V, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

+ Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 138; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 20, 53; Điều 33- Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng Điều 50- Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội là: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo S bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/12/2016).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Cao C 10 năm 06 tháng tù cho cả ba tội, Nguyễn Mậu T 02 năm 06 tháng tù, giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác có liên quan.

* Sau khi xét xử sơ thẩm xong:

Ngày 28/8/2017 Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S đề ngày 23/8/2017. Nội dung kháng cáo của bị cáo là mức hình phạt 06 năm tù là quá nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do vì: Bị cáo đã biết sai và hối hận. Hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn là hộ nghèo nhưng bị cáo đã nhờ anh trai là Nguyễn Văn T bồi thường cho một số người bị hại trong vụ án và được họ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố là người có công với cách mạng, thương binh chống Mỹ đã ốm đau bệnh tật chết chỉ còn bị cáo sống với mẹ, anh chị ở riêng nơi khác. Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ để bị cáo sớm trở về chăm lo cho gia đình. Bị cáo bị xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai gì. Bị cáo xuống huyện V để xin việc làm, trong thời gian đó bị đồng bọn rủ rê nên mới phạm tội lấy tiền chi tiêu. Bị cáo vẫn có nguồn sống chính là thu nhập từ làm vườn ở quê.

- Anh Nguyễn Văn T là anh trai bị cáo trình bày: Bị cáo có nhặn về gia đình nhờ bồi thường cho những người bị hại nên anh đã đứng ra bồi thường cho anh Trần Bá Đ 3 triệu đồng, chị Hứa Thị H 5 triệu đồng, anh Nguyễn Nhân T 9 triệu đồng. Những người này có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Số tiền bồi thường gia đình và bị cáo sẽ tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng chị Nguyễn Thị Kim N gia đình có đến gặp xin bồi thường một phần nhưng chị N yêu cầu phải bồi thường giá trị cả xe nên gia đình không đáp ứng được.

- Anh Trần Bá Đ là người bị hại trình bày: Anh trai bị cáo là Nguyễn Văn T đã bồi thường thay 3 triệu đồng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp cho Tòa án trong hạn 15 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại phiên tòa bị cáo gia đình bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới: bố đẻ là thương binh, người có công với cách mạng, đã bồi thường thiệt hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại điểm b, khoản 1 và khoản 2, Điều 46- BLHS. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không nặng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 16/8/2017 của TAND huyện V, tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo, cụ thể:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt:

+Áp dụng khoản 1, Điều 136; điểm b, điểm p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn S: 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 138; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20, 53; Điều 33- Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn S: 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng Điều 50- Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn S bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/12/2016).

+ Xác nhận bị cáo đã bồi thường dân sự cho anh Trần Bá Đ 3 triệu đồng, chị Hứa Thị H 5 triệu đồng, anh Nguyễn Nhân T 9 triệu đồng.

+ Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

+ Áp dụng Điều 99- BLTTHS; điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

* Người bào chữa cho bị cáo tranh luận:

- Về tội danh nhất trí với VKS, không tranh luận gì.

- Về hình phạt: Không nhất trí vì quá nặng và bị cáo có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như bố đẻ là thương binh, người có công với cách mạng, đã bồi thường thiệt hại được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2, Điều 46- BLHS. Bị cáo đã được xóa án tích nên không coi là nhân thân xấu. Việc án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim N 6.300.000 đồng là chưa chính xác, không công bằng vì có 3 người cùng thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của chị N. Đề nghị áp dụng Điều 47- BLHS đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo 02 năm tù tội “Cướp giật tài sản”, 03 năm tù tội “Trộm cắp tài sản”, trách nhiệm dân sự bồi thường cho chị N 4 triệu đồng. Công nhận bị cáo đã bồi thường cho anh Trần Bá Đ 3 triệu đồng, chị Hứa Thị H 5 triệu đồng, anh Nguyễn Nhân T 9 triệu đồng. Bị cáo không phải chịu án phí do là hộ nghèo tại địa phương.

* Bị cáo nhất trí quan điểm của người bào chữa, không có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

* Anh Trần Bá Đ, anh Nguyễn Văn T không có ý kiến tranh luận gì.

* Viện kiểm sát đối đáp: Bị cáo đã bị xét xử hình sự, mặc dù đã được xóa án tích nhưng về nhân thân vẫn là đối tượng có nhân thân xấu. Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng căn cứ vai trò, tính chất mức độ hành vi bị cáo đã thực hiện thì hình phạt như cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp. Về bồi thường dân sự cho chị N thì

trong vụ trộm cắp này có bị cáo S, bị cáo C và đối tượng Th cùng tham gia, hiện Th đã bỏ trốn chưa bắt được nên bị cáo và bị cáo C phải bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị xe cho chị N là đúng. Khi nào bắt được Th các bị cáo có quyền đề nghị xem xét yêu cầu Th trả lại tiền bồi thường cho các bị cáo.

Chấp nhận quan điểm bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do là hộ nghèo tại địa phương.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện cải tạo tốt và sớm trở về giúp đỡ gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Trại tạm giam, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn S và đồng bọn: Do không có tiền chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 11/2016, các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn S, Nguyễn Mậu T cùng một số đối tượng khác đã cùng nhau sử dụng xe mô tô và vạm phá khóa thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của 06 bị hại trên địa bàn huyện V, tỉnh Bắc Giang và huyện T, tỉnh Bắc Ninh rồi đem bán cho người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân với tổng số tiền 114.500.000 đồng, trong đó C và S tham gia trộm cắp 05 vụ với tổng số tiền: 114.500.000 đồng, T tham gia 01 vụ với tổng số tiền 55.800.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Văn S thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản của 01 bị hại với số tiền chiếm đoạt: 19.600.000 đồng trên địa bàn huyện V, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả thực hiện hành vi để chiếm đoạt tài sản. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 136 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 138 - Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản ở địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên đối với các vụ trộm cắp tài sản không có bị hại ở thành phố B, thị xã T thuộc tỉnh Bắc Ninh, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V đã có công văn trao đổi đề nghị Công an các đơn vị trên rà soát điều tra

theo quy định của pháp luật. Ngày 10/6/2017 và 15/6/2017, Công an thành phố B và Công an thị xã T có công văn thông báo kết quả xác minh không xác định được bị hại trong các vụ trộm cắp tài sản đã nêu trên và đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V không nhận được đơn trình báo và không xác định được bị hại nào trong các vụ trộm cắp tài sản nêu trên nên không có căn cứ kết luận các bị cáo thực hiện các vụ trộm cắp tài sản này là có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy: Tại phiên tòa, bị cáo chỉ có yêu cầu kháng cáo xem xét xin giảm nhẹ hình phạt nên các vấn đề khác của án sơ thẩm như trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí...có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị Tòa án kết án nhưng lại không chịu cải tạo, tu dưỡng rèn luyện lại tiếp tục có các hành vi vi phạm.

Về vai trò của bị cáo Nguyễn Văn S trong vụ án: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án là có căn cứ.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” tại điểm g, khoản 1, Điều 48- Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bởi lẽ trong số tài sản bị cáo chiếm đoạt thì ngày 18/11/2016 có tổng giá trị tài sản trên 50 triệu đồng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: án sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Văn S “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, được “người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt” nên được áp dụng điểm p, khoản 1 và khoản 2, Điều 46- Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của bị cáo cũng như tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo đã thực hiện, HĐXX thấy cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là bồi thường khắc phục hậu quả cho 02 người bị hại là anh Trần Bá Đ và chị Hứa Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Nhân T và được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có bố đẻ là Thương binh là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cần áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2, Điều 46- BLHS.

Do đó trên cơ sở xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 248 và điểm c, khoản 1, Điều 249 – BLTTHS, HĐXX chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn S, sửa một phần bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận và bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 và điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm c, khoản 1, Điều 249-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn S. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm các tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt:

+Áp dụng khoản 1, Điều 136; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33- Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 138; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33- Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+Áp dụng Điều 50- Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn S bị tạm giữ, tạm giam 20/12/2016.

- Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho anh Trần Bá Đ số tiền 3.000.000 đồng, chị Hứa Thị H số tiền 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Nhân T số tiền 9.000.000 đồng.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 và điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

